Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 17-02-2025
10:14:00 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2025/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 21 tháng 12 năm 1999; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 02 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ - CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan tại Điều 13 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 52/2024/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan khi thực hiện về hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan.

Chương II
HẠN TUỔI CAO NHẤT CỦA SĨ QUAN GIỮ CHỨC VỤ CHỈ HUY, QUẢN LÝ

Điều 3. Đơn vị bộ binh đủ quân

1. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ cơ bản thuộc đơn vị bộ binh đủ quân quy định như sau:

a) Tư lệnh Quân đoàn, Chính uỷ Quân đoàn 60 tuổi;

b) Sư đoàn trưởng, Chính uỷ sư đoàn 58 tuổi;

c) Lữ đoàn trưởng, Chính uỷ lữ đoàn 58 tuổi;

d) Trung đoàn trưởng, Chính uỷ trung đoàn 50 tuổi;

đ) Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn 45 tuổi;

e) Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội 40 tuổi;

g) Trung đội trưởng 32 tuổi.

2. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ cơ bản còn lại và chức vụ tương đương (cùng nhóm chức vụ) thuộc đơn vị làm nhiệm vụ phòng thủ đảo, bảo vệ dầu khí, hải quân đánh bộ, trinh sát bộ binh thực hiện như quy định tại điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này.

3. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ sư đoàn trưởng, chính uỷ sư đoàn bộ binh có 1 trung đoàn đủ quân 58 tuổi; của sĩ quan giữ chức vụ trung đoàn trưởng, chính uỷ trung đoàn bộ binh có 1 tiểu đoàn đủ quân 56 tuổi; của sĩ quan giữ chức vụ tiểu đoàn trưởng, chính trị viên tiểu đoàn bộ binh có 1 đại đội đủ quân 54 tuổi.

Điều 4. Đơn vị quân chủng, binh chủng, chuyên môn, kỹ thuật đủ quân và đơn vị khung thường trực

1. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ cơ bản thuộc đơn vị quân chủng, binh chủng, chuyên môn, kỹ thuật đủ quân và đơn vị khung thường trực được quy định như sau:

a) Sư đoàn trưởng, Chính uỷ sư đoàn: 58 tuổi;

b) Lữ đoàn trưởng, Chính uỷ lữ đoàn: 58 tuổi;

c) Trung đoàn trưởng, Chính uỷ trung đoàn: 56 tuổi;

d) Tiểu đoàn trưởng, Chính trị viên tiểu đoàn: 54 tuổi;

đ) Đại đội trưởng, Chính trị viên đại đội: Đơn vị quân chủng, binh chủng và chuyên môn, kỹ thuật đủ quân 47 tuổi; đơn vị khung thường trực 52 tuổi;

e) Trung đội trưởng: 40 tuổi.

2. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy trưởng, chính ủy, chính trị viên còn lại và chức vụ tương đương (cùng nhóm chức vụ) thuộc đơn vị quân chủng, binh chủng và chuyên môn, kỹ thuật đủ quân thực hiện như quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Cấp phó của cấp trưởng thuộc các đơn vị quy định tại Điều 3, Điều 4

1. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ cấp phó của cấp trưởng thuộc đơn vị quy định tại Điều 3 Thông tư này thực hiện bằng hạn tuổi cao nhất của

chức vụ cấp trưởng đơn vị cùng cấp, nhưng không vượt quá hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm.

2. Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ cấp phó của cấp trưởng thuộc đơn vị quy định tại Điều 4 Thông tư này thực hiện bằng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm. Riêng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ Phó Đại đội trưởng, Chính trị viên phó Đại đội thuộc đơn vị quân chủng, binh chủng và chuyên môn, kỹ thuật đủ quân 47 tuổi.

Điều 6. Cơ quan thuộc đơn vị quy định tại Điều 3, Điều 4

Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý cơ quan thực hiện theo hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm. Riêng cơ quan thuộc trung đoàn, lữ đoàn đơn vị bộ binh đủ quân và đơn vị làm nhiệm vụ phòng thủ đảo, bảo vệ dầu khí, hải quân đánh bộ, trinh sát bộ binh 50 tuổi.

Điều 7. Các cơ quan, đơn vị còn lại

Hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý thuộc các đơn vị, cơ quan còn lại thực hiện bằng hạn tuổi cao nhất của sĩ quan phục vụ tại ngũ theo cấp bậc quân hàm.

Chương III

KÉO DÀI TUỔI PHỤC VỤ TẠI NGŨ CỦA SĨ QUAN

Điều 8. Đối tượng kéo dài

1. Sĩ quan là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, bác sĩ chuyên khoa 2, dược sĩ chuyên khoa 2, tổng công trình sư, nhà khoa học đầu ngành, sĩ quan chuyên môn nghiệp vụ kỹ thuật ngạch cao cấp, nhà giáo nhân dân, thầy thuốc nhân dân, nghệ sỹ nhân dân đang làm việc hiệu quả, đúng chuyên ngành ở các nhà trường, cơ sở nghiên cứu, bệnh viện, đoàn nghệ thuật.

2. Sĩ quan là kỹ sư, bác sĩ, dược sĩ đại học, sĩ quan đào tạo chuyên ngành chuyên sâu, công phu, đặc thù, chuyên ngành hẹp (nghiên cứu, thiết kế, chế tạo vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại; trí tuệ nhân tạo; công nghệ cao; công nghệ vật liệu mới...) hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, đang làm việc đúng chuyên môn ở các nhà trường, cơ sở nghiên cứu, bệnh viện, đoàn nghệ thuật, nhà máy, doanh nghiệp quốc phòng, đơn vị đóng quân ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo chưa có người thay thế.

3. Sĩ quan đang làm nhiệm vụ chiến đấu hoặc nhiệm vụ đặc biệt; tùy viên, phó tùy viên, trợ lý tùy viên quốc phòng chưa hết nhiệm kỳ; phi công quân sự.

Điều 9. Điều kiện kéo dài

Sĩ quan thuộc đối tượng quy định tại Điều 8 Thông tư này được kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Đơn vị có nhu cầu sử dụng.

2. Sĩ quan có đủ phẩm chất về chính trị, đạo đức, sức khỏe; chất lượng, hiệu quả công tác tốt.

3. Sĩ quan tự nguyện tiếp tục phục vụ tại ngũ và thôi giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; trường hợp đặc biệt chưa có người thay thế có thể được giữ chức vụ chỉ huy, quản lý do cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 10. Thời gian kéo dài

1. Thời gian kéo dài không quá 05 năm, trường hợp kéo dài quá 05 năm (kể cả trường hợp thuộc thẩm quyền đơn vị) do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định; hằng năm các đơn vị xem xét việc kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan, nếu không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư này thì xét để sĩ quan thôi phục vụ tại ngũ.

2. Phi công kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ không quá hạn tuổi kéo dài bay cao nhất quy định đối với từng loại máy bay theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Quyết định kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ không sao gửi cho cá nhân, giao đơn vị tổ chức thông báo cho cán bộ biết, thực hiện.

4. Việc thông báo dự kiến kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ đối với sĩ quan được thực hiện trước 03 (ba) tháng; thẩm quyền thông báo thực hiện như quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 70/2016/TT-BQP ngày 02/6/2016 của Bộ Quốc phòng quy định trình tự, thủ tục thôi phục vụ tại ngũ, thôi việc đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng, người làm việc trong các tổ chức Cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 11. Chế độ được hưởng khi kéo dài

Trong thời gian kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ, sĩ quan được bảo đảm tiền lương, phụ cấp, trợ cấp như trước khi có quyết định kéo dài và được hưởng các chế độ khác theo nhiệm vụ được giao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và thay thế Thông tư số 08/2020/TT-BQP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết, hướng dẫn thực hiện Điều 13 và Điều 16 Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam về hạn tuổi cao nhất của sĩ quan giữ chức vụ chỉ huy, quản lý; kéo dài tuổi phục vụ tại ngũ của sĩ quan; phong quân hàm học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan tại ngũ.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Thông tư này, sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định văn bản mới.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, Tổng Tham mưu trưởng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Thủ trưởng BQP;
- BTTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- C85, C56, C11, C17, C79, C41;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, NCTH, Hg85.

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Phan Văn Giang